

Số: 1664/QĐ-UBND

Mỹ Lộc, ngày 28 tháng 04 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở
Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường đê Ất Hợi, huyện Mỹ Lộc (Đoạn
từ QL21 tại Km134+963 đến đóc La xã Mỹ Tiến)**

UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng ;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 về việc quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện; Số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 về việc quy định chi tiết thi hành luật Điện lực về an toàn điện;

Căn cứ Quyết định số 19/2006/QĐ-BCN ngày 11/7/2006 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc ban hành Quy phạm trang bị điện;

Căn cứ Quyết định số 19/2006/QĐ-UBND ngày 18/7/2016 của UBND tỉnh về phê duyệt Hợp phần II: Quy hoạch chi tiết lưới điện trung hạ áp sau các trạm biến áp 110kv thuộc dự án “ Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Nam Định giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035”.

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 18/3/2021 của HĐND tỉnh Nam Định về việc Quyết định chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường đê Ất Hợi, huyện Mỹ Lộc (Đoạn từ QL21 tại Km134+963 đến đóc La xã Mỹ Tiến);

Căn cứ Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc phê duyệt dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường đê Ất Hợi, huyện Mỹ Lộc (Đoạn từ QL21 tại Km134+963 đến đóc La xã Mỹ Tiến);

Căn cứ Văn bản số 06/KQ-TTr ngày 08/3/2022 của công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Xuân Hùng báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công – dự toán dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường đê Ất Hợi, huyện Mỹ Lộc (Đoạn từ QL21 tại Km134+963 đến đóc La xã Mỹ Tiến);

Căn cứ Văn bản số 12/SCT-QLNL ngày 13/4/2022 của Sở Công thương thông báo kết quả thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường đê Ất Hợi, huyện Mỹ Lộc (Đoạn từ QL21 tại Km134+963 đến đóc La xã Mỹ Tiến). Hạng mục di chuyển đèn bù các tuyến đường dây điện lực 0,4kV;

Căn cứ Văn bản số 715/SGTVT-QLCL ngày 20/4/2022 của Sở giao thông vận tải Thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường đê Ất Hợi, huyện Mỹ Lộc (Đoạn từ QL21 tại Km134+963 đến đóc La xã Mỹ Tiến),

Xét đề nghị của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tại Tờ trình số 131/TTr-BQLDA ngày 26 tháng 04 năm 2022 về việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường đê Ất Hợi, huyện Mỹ Lộc (Đoạn từ QL21 tại Km134+963 đến đóc La xã Mỹ Tiến) và xét đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường đê Ất Hợi, huyện Mỹ Lộc (Đoạn từ QL21 tại Km134+963 đến đóc La xã Mỹ Tiến) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Người phê duyệt: Ông Lê Quang Huy - Phó Chủ tịch UBND huyện
2. Tên công trình: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường đê Ất Hợi, huyện Mỹ Lộc (Đoạn từ QL21 tại Km134+963 đến đóc La xã Mỹ Tiến).
3. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường đê Ất Hợi, huyện Mỹ Lộc (Đoạn từ QL21 tại Km134+963 đến đóc La xã Mỹ Tiến).
4. Loại, cấp công trình:
 - Loại công trình: Công trình giao thông.
 - Cấp công trình: Cấp III.
5. Địa điểm xây dựng: xã Mỹ Thuận, xã Mỹ Thịnh và xã Mỹ Tiến, huyện Mỹ Lộc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.
6. Nhà thầu khảo sát xây dựng, lập thiết kế chính (thiết kế đường giao thông): Công ty cổ phần NADECO có mã số chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00007764 do cục quản lý hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng) cấp.
7. Nhà thầu lập thiết kế phụ (thiết kế hệ thống điện): Công ty cổ phần phát triển năng lượng ATH có giấy phép hoạt động điện lực số 06/GPHĐDL-SCT ngày 28/6/2017 do Sở Công thương tỉnh Nam Định cấp; Mã số chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số NAD-0009409 ngày 28/3/2018 do Sở Xây dựng tỉnh Nam Định cấp
8. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng: Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Xuân Hùng có mã số chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số NAD-00008930 do

Sở Xây dựng tỉnh Nam Định cấp và số HAN-00008930 do Sở Xây dựng TP. Hà Nội cấp.

9. Quy mô xây dựng và giải pháp thiết kế

9.1. Quy mô đầu tư:

Tổng chiều dài tuyến $L=8,141$ Km, điểm đầu giao với QL21 (tại Km134+963), điểm cuối tại dốc La, xã Mỹ Tiến. Thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp V đồng bằng: $B_m=5.5m$, $B_n=7.5m$ (có chôn trước chiều rộng mặt đường một số vị trí cục bộ do khó khăn về công tác GPMB).

9.2. Giải pháp thiết kế:

9.2.1. Phân đường giao thông

9.2.1.1. Bình đồ và hướng tuyến:

Hướng tuyến cơ bản bám theo đường cũ, tận dụng tối đa phần nền mặt đường đã có. Nắn chỉnh cục bộ hướng tuyến tại các vị trí có bán kính cong nhỏ và khu vực đông dân cư theo quy mô cấp đường, đảm bảo giao thông êm thuận, an toàn, phù hợp với hiện trạng, giảm thiểu GPMB.

9.2.1.2. Thiết kế trắc dọc:

Trắc dọc tuyến được thiết kế căn cứ trên cơ sở kết quả đánh giá nền mặt đường cũ, chiều dày tôn nâng trên các đoạn tận dụng mặt đường cũ, chiều dày kết cấu các lớp kết cấu áo đường với đoạn đào xử lý và cao độ các điểm khống chế trên tuyến như: Điểm đầu, điểm cuối các đoạn tuyến, cầu cống trên tuyến và cốt cao độ nhà dân dọc tuyến; phù hợp với mực nước thường xuyên....

9.2.1.3. Thiết kế trắc ngang:

- Thiết kế theo quy mô đường cấp V đồng bằng có $B_{nền} = 1,0m$ (lề) + $5,5m$ (mặt) + $1,0m$ (lề) = $7,5m$ (có chôn trước chiều rộng mặt đường một số vị trí cục bộ do khó khăn về công tác GPMB).

- Dốc ngang mặt đường 2 mái $i=2\%$. Dốc ngang lề đường $i=4\%$.

- Các đoạn có rãnh dọc, Bề phía rãnh = Brãnh. Thiết kế bó vỉa, đan rãnh đặt sát mép đường (trừ các đoạn do khó khăn về mặt bằng, đoạn qua khu dân cư bố trí rãnh dọc xây gạch B500 chịu lực hoặc rãnh dọc BTCT B400).

- Các đoạn tuyến đi qua khu vực kênh kiên cố hóa, kè mái: Vuốt BTXM dày 15cm từ mép nhựa vào đỉnh kè hiện trạng. Đoạn lề đất gia cố bằng đá xô bờ dày 15cm, rộng 50cm.

9.2.1.4. Nền đường:

- Nền đường đắp bằng cát đen đầm chặt K95, bao ngoài bằng đất đầm chặt K95. Trước khi đắp đất nền đường đào bỏ lớp đất không thích hợp và đánh cấp theo quy định.

- Đối với phần nền đường mở rộng và đào xử lý mặt đường cũ: Đào xử lý sau đó đắp trả bằng kết cấu gồm lớp cát đen đầm chặt K95 dày 30cm, lớp cát đen đầm chặt K98 dày 30cm và lớp đá thải dày 20cm đầm lèn chặt dưới đáy áo đường.

- Xử lý nền đất yếu: Đối với các đoạn tuyến đi qua lún ao, thũng, ... tiến hành đào thay đất gia cố cọc tre, kết hợp trải vải địa kỹ thuật.

- Các đoạn tuyến cắt qua hoặc chiếm dụng phạm vi nương, thiết kế lãn nương, kênh xây đảm bảo tưới tiêu phục vụ nông nghiệp. Cao độ đáy nương, chiều rộng đáy nương thiết kế phù hợp với cao độ, chiều rộng nương hiện trạng và nhu cầu tiêu thoát nước...

9.2.1.5. Kết cấu mặt đường:

Thiết kế mặt đường cấp cao A1 với kết cấu cụ thể như sau:

a, Trên mặt đường cũ tận dụng:

- Mặt đường bê tông nhựa chặt 19 dày 7cm;
- Tưới thấm bảm 1,0kg/m²;
- Lớp CPĐD loại I lớp trên dày 25cm;
- Bù vênh trên mặt cũ bằng CPĐD loại I.

b, Trên mặt đường mở rộng, đào xử lý:

- Mặt đường bê tông nhựa chặt 19 dày 7cm;
- Tưới thấm bảm 1,0kg/m²;
- Lớp CPĐD loại I lớp trên dày 15cm;
- Lớp CPĐD loại I lớp dưới dày 25cm;

* Đối với đoạn tuyến cũ đi qua khu dân cư, thiết kế thêm lớp té đá mặt đảm bảo giao thông và tưới dính bảm 0,5kg/m² mặt đường trước khi thảm BTNC 19.

9.2.1.6. Thiết kế nút giao, đường giao:

Thiết kế các giao cắt trên tuyến (giao với QL.21, QL.21B, điểm cuối tuyến dốc La...) các đường giao, vượt ngõ ngang: Thiết kế dạng giao bằng, bán kính các nhánh rẽ được thiết kế phù hợp quy mô tiêu chuẩn cấp đường và phù hợp với điều kiện địa hình phạm vi nút giao đảm bảo vượt nổi êm thuận bằng kết cấu phù hợp với hiện trạng.

9.2.1.7. Thiết kế kè mái, tường chắn bảo vệ nền đường:

Xây dựng gia cố mái taluy bảo vệ nền đường dự kiến gồm các đoạn:

- Thiết kế tường chắn đoạn Km1+470-Km1+625,57 phải tuyến, chiều dài khoảng L=146,0m.

- Thiết kế kè mái taluy khu vực đền Sùng Văn, đoạn điều chỉnh tim tuyến qua ao sen và thiết kế kè mái taluy kết hợp tường chắn các đoạn qua ao, thung đảm bảo ổn định nền đường.

- Kết cấu: Mái kè đá xây vữa XM M100 dày 30cm trên lớp đá dăm đệm dày 10cm. Chân khay bằng đá hộc xây vữa XM M100 kích thước 70x50cm, bên dưới đệm đá dăm dày 10cm; gia cố chân khay bằng cọc tre L=2,5m/cọc, mật độ 5 cọc/md, đóng 3 hàng cọc dọc tuyến. Tường chắn bằng đá hộc xây VXM M100 trên lớp đá dăm đệm dày 10cm. Gia cố móng chân khay bằng cọc tre L=2,5m/cọc mật độ 25 cọc/m².

9.2.1.8. Hệ thống thoát nước, hoàn trả kênh xây, kênh hở:

a, Hệ thống thoát nước dọc: Xây dựng hệ thống rãnh dọc B500 xây gạch đặt sát bó vỉa, đan rãnh trong khu vực dân cư. Cứ khoảng 40m bố trí 1 hố ga B=1m thu nước mặt đường. Nước mặt theo độ dốc ngang mặt đường thoát về rãnh dọc qua các

viên vỉa hàm ếch, lưới chắn rác tại hố ga. Một số vị trí do mặt bằng chật hẹp, thiết kế hệ thống rãnh dọc chịu lực xây gạch B500 và rãnh BTCT B400.

b, Hệ thống thoát nước ngang: Thiết kế mới và cải tạo hệ thống thoát nước ngang trên tuyến phù hợp với quy mô nền mặt đường và yêu cầu của đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Thiết kế gồm 34 công, trong đó: Thiết kế mới 05 công tròn D600; 08 công tròn D750; 08 công hộp $Lo=0,5m$; 04 công hộp $Lo=0,6m$; 03 công hộp $Lo=0,7m$; 01 công hộp $Lo=0,8m$; 01 công hộp $Lo=1,0m$; 01 công hộp $Lo=1,2m$; 03 công hộp $Lo=1,5m$.

c. Hoàn trả kênh xây: Thiết kế hoàn trả hệ thống kênh xây phục vụ tưới nước cho đồng ruộng, xây dựng các đoạn như sau:

STT	Lý trình điểm đầu	Lý trình điểm cuối	Khẩu độ (m)	Vị trí
1	Km1+375	Km1+575	Mương xây BxH=1,5x1,5	Trái tuyến
2	Km2+077	Km2+137	Mương xây BxH=1,5x1,5	Trái tuyến
3	Km4+241	Km4+375	Mương xây BxH=1,5x1,5	Phải tuyến
4	Km4+393	Km4+403,8	Kênh hở BTCT $Lo=1,5$	Phải tuyến
5	Km4+403,8	Km4+412	Kênh hở BTCT $Lo=2,0$	Phải tuyến

Tổng cộng xây dựng kênh xây BxH=1,5x1,5(m) chiều dài $L=377,87m$; kênh hở BTCT $Lo=1,5m$ chiều dài $L=10,8m$; kênh hở BTCT $Lo=2,0m$ chiều dài $L=8,2m$.

9.2.1.9. Cầu trên tuyến:

Xây dựng mới 01 cầu bằng BTCT và BTCT DUỖ qua kênh T3-2. Tải trọng thiết kế: 0,65HL93; người đi bộ 3KN/m²

STT	Lý trình	L nhịp (m)	B mặt cầu (m)	Kết cấu nhịp	Loại móng
1	Km6+907,50	12,0	8,0	Dầm bản BTCT DUỖ	Móng cọc BTCT

Kết cấu chung của cầu như sau :

- Kết cấu phần trên: Xây dựng cầu gồm 1 nhịp giản đơn $L=12,0m$, cắt ngang toàn cầu gồm 8 dầm bản BTCT DUỖ M400. Chiều cao dầm $h=0,52m$, khoảng cách giữa các dầm $a=1,0m$. Độ dốc ngang mặt cầu $In=2%$. Lớp bản mặt cầu liên hợp

bằng BTCT M400 đổ tại chỗ dày 10cm, lớp phủ mặt cầu bằng BTNC 19 dày 7cm. Khe co giãn bằng thép dạng ray, gối cầu bằng cao su bản thép kích thước 120x200x28mm, bố trí 02 gối/đầu dầm. Gờ lan can cầu bằng BTCT M250 đổ tại chỗ, tay vịn bằng ống thép mạ kẽm.

- Kết cấu phần dưới: Mố cầu bằng BTCT M300 đổ tại chỗ, mỗi mố đặt trên hệ móng 22 cọc BTCT M300 kích thước 35x35cm, chiều dài $L_{dk} = 38m$. Bản vượt BTCT M250 đổ tại chỗ, gia cố taluy đầu cầu bằng đá học xây vữa XM M100.

9.2.1.10. Hệ thống an toàn giao thông:

Hoàn thiện hệ thống an toàn giao thông gồm cọc tiêu, biển báo, sơn tim đường, tôn hộ lan, ... theo quy mô tuyến và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

9.2.1.11. Giải phóng mặt bằng: Địa phương chịu trách nhiệm giải phóng mặt bằng đoạn tuyến có đường dân sinh hiện trạng

9.2.12. Thiết kế cấm cọc GPMB:

* Quy mô:

Cấm cọc GPMB theo quy mô nền đường, làm 2 giai đoạn: giai đoạn 1 bằng cọc tre và giai đoạn 2 bằng cọc BTCT. Đoạn tuyến đi dọc bờ sông, kênh, mương, chân taluy nền đường đắp dưới đáy kênh nhưng không phải đào hoàn trả kênh, mương thì không phải cấm cọc GPMB.

* Quy cách cọc:

Cọc GPMB bằng BTCT M200 KT 15x15x100 (cm), thân sơn trắng đỏ, chôn chìm 40cm. Bề cọc bằng BT M150 kích thước 35x35x40(cm). Bề mặt cọc có ghi chữ "GPMB". Phần cọc nổi phía trên là 60cm được quét sơn trắng 2 lượt 4 mặt. Các quy định chi tiết, cấu tạo chữ viết, cách chôn cọc thực hiện theo quy định hiện hành. Tại những vị trí không cấm được cọc BTCT thì dùng đinh thép d10, dài 8cm có mũ, cọc gỗ sơn đỏ

* Phương pháp cấm cọc GPMB:

Khoảng cách cấm cọc theo chiều dài tuyến:

- Đoạn từ Km0+00 - Km2+140: Đoạn tuyến đường đi qua khu vực hai bên là nhà dân xen lẫn ruộng lúa, ao, vườn. Cấm cọc GPMB cả hai bên tuyến khoảng cách trung bình 50m/cọc.

- Đoạn từ Km2+140 - Km4+290: Đoạn tuyến đường đi qua khu vực bên trái là kênh tưới đi sát lề đường, bên phải là khu dân cư, ruộng lúa xen lẫn ao, hồ, thung. Chỉ cấm cọc GPMB bên phải tuyến khoảng cách trung bình 100m/cọc.

- Đoạn từ Km4+290 - Km4+740: Đoạn tuyến đường đi qua khu vực hai bên là nhà dân. Cấm cọc GPMB cả hai bên tuyến khoảng cách trung bình 50m/cọc.

- Đoạn từ Km4+740 - Km6+080: Đoạn tuyến đường đi qua khu vực bên trái là kênh tưới đi sát lề đường, bên phải là ruộng lúa xen lẫn ao, hồ, thung. Chỉ cấm cọc GPMB bên phải tuyến khoảng cách trung bình 100m/cọc.

- Đoạn từ Km6+080 - Km6+350: Đoạn tuyến đường đi qua khu vực bên trái là kênh tưới đi sát lề đường, bên phải là khu dân cư. Chỉ cắm cọc GPMB bên phải tuyến khoảng cách trung bình 50m/cọc.

- Đoạn từ Km6+350 - Km6+870: Đoạn tuyến đường đi qua khu vực bên trái là kênh tưới đi sát lề đường, bên phải là ruộng lúa xen lẫn ao, hồ, thung. Chỉ cắm cọc GPMB bên phải tuyến khoảng cách trung bình 100m/cọc.

- Đoạn từ Km6+870 - Km8+142: Đoạn tuyến đường đi qua khu vực hai bên là ruộng, ao, vườn xen lẫn nhà dân. Cắm cọc GPMB cả hai bên tuyến khoảng cách trung bình 100m/cọc.

- Đối với phần cống: Kết hợp với đường và cắm 02 cọc mỗi bên đảm bảo mặt bằng thi công.

+ Đối với phần cống: Kết hợp với đường và cắm 02 cọc mỗi bên đảm bảo mặt bằng thi công.

- Khối lượng cọc GPMB theo Quyết định số 4070/QĐ-UBND ngày 07/10/2021 của UBND huyện là 238 cọc.

9.2.2. Di chuyển đường điện hạ thế:

9.2.2.1. Phần tháo dỡ thu hồi các tuyến đường dây 0,4kV:

Để GPMB thi công công trình: “Cải tạo, nâng cấp tuyến đường để Ất Hợi, huyện Mỹ Lộc (Đoạn từ QL 21 tại Km134+963 đến dốc La xã Mỹ Tiến)” cần tiến hành di dời đường điện đang nằm trong phạm vi tuyến mốc GPMB, cụ thể:

* Đường dây hạ thế 0,4kV lộ L1+L2 sau TBA Sùng Hàn 1:

- Đoạn tuyến đường dây hạ thế 0,4kV - Lộ số 1 sau TBA Sùng Hàn 1 (từ cột 1.5 đến cột số 1.15): Tháo dỡ, thu hồi các vị trí cột hạ thế số 1.5; 1.6; 1.7; 1.8; 1.9; 1.11; 1.12; 1.14; 1.15 bao gồm 09 vị trí cột (10 cột bê tông vuông H7,5m) kèm theo phụ kiện xà, sứ của đoạn tuyến trên; Tháo dỡ thu hồi, tận dụng dây của đoạn tuyến đường dây 0,4kV từ cột số 1.5 đến cột số 1.15 có tổng chiều dài: $L = 360,0\text{m}$, dây gồm 3 dây AV(1x95)mm² + 1 dây AV(1x70)mm² để chuyển sang lắp đặt lại trên tuyến đèn bù mới.

- Đoạn tuyến đường dây hạ thế 0,4kV - Lộ số 2 sau TBA Sùng Hàn 1 (từ cột (1.2).1 đến cột 2.17 và kết nối với TBA Sùng Hàn 3 tại cột (1.3)15)): Tháo dỡ, thu hồi các vị trí cột hạ thế số 2.2; 2.2/2.1; 2.3; 2.4; 2.5; 2.6; 2.7; 2.10; 2.11; 2.12; 2.13; 2.14; 2.15; 2.16; 2.17 bao gồm 16 vị trí cột (14 cột bê tông vuông H7,5m và 02 cột bê tông ly tâm LT10m) kèm theo phụ kiện cáp vặn xoắn của đoạn tuyến trên; Tháo dỡ thu hồi, tận dụng dây của đoạn tuyến đường dây CVX 0,4kV từ cột TBA đến (1.2).1 đến cột 2.17 và kết nối với TBA Sùng Hàn 1 tại cột số (1.3)15) có tổng chiều dài: $L = 775,0\text{m}$, dây CVX (4x70)mm² để chuyển sang lắp đặt lại trên tuyến đèn bù mới.

* Đường dây hạ thế 0,4kV lộ L2 sau TBA Sùng Hàn 3:

- Đoạn tuyến đường dây hạ thế 0,4kV - Lộ số 2 sau TBA Sùng Hàn 3 (từ cột 2.22 đến cột số 2.25): Tháo dỡ, thu hồi các vị trí cột hạ thế số 2.23; 2.24; 2.25; bao gồm 03 vị trí cột (4 cột bê tông vuông H7,5m) kèm theo phụ kiện xà, sứ của đoạn tuyến trên; Tháo dỡ thu hồi, tận dụng dây của đoạn tuyến đường dây 0,4kV từ cột số 2.22 đến cột số 2.25 có tổng chiều dài: $L = 73,0\text{m}$, dây gồm 3 dây

AV(1x95)mm²+ 1dây AV(1x70)mm² để chuyển sang lắp đặt lại trên tuyến đèn bù mới.

* Đường dây hạ thế 0,4kV lộ L3 sau TBA Sùng Hàn 2:

- Đoạn tuyến đường dây hạ thế 0,4kV - Lộ số 3 sau TBA Sùng Hàn 2 (từ cột 3.14 đến cột 3.15): Tháo dỡ, thu hồi các vị trí cột hạ thế số 3.15 (01 cột bê tông vuông H7,5m) kèm theo phụ kiện cáp vặn xoắn của đoạn tuyến trên; Tháo dỡ thu hồi, tận dụng dây của đoạn tuyến đường dây CVX 0,4kV từ cột 3.14 đến 3.15 có tổng chiều dài: L = 49,0m, dây CVX (4x70)mm² để chuyển sang lắp đặt lại trên tuyến đèn bù mới.

- Đoạn tuyến đường dây hạ thế 0,4kV - nhánh rẽ cột 3.3/1.9, lộ số 3 sau TBA Sùng Hàn 2 (từ cột 3.3/1.9/1.1 đến cột 3.3/1.9/1.4): Tháo dỡ, thu hồi các vị trí cột hạ thế số 3.3/1.9/1.2; 3.3/1.9/1.3; 3.3/1.9/1.4 bao gồm 03 vị trí cột (03 cột bê tông vuông H7,5m) kèm theo phụ kiện cáp vặn xoắn của đoạn tuyến trên; Tháo dỡ thu hồi, tận dụng dây của đoạn tuyến đường dây CVX 0,4kV từ cột 3.3/1.9/1.1 đến cột 3.3/1.9/1.4 có tổng chiều dài: L = 113,0m, dây CVX (2x25)mm² để chuyển sang lắp đặt lại trên tuyến đèn bù mới.

* Đường dây hạ thế 0,4kV lộ L2 sau TBA Khánh Đại 1:

- Đoạn tuyến đường dây hạ thế 0,4kV - nhánh rẽ cột 2.3/1.13, lộ số 2 sau TBA Khánh Đại 1 (từ cột 2.3/1.13 đến cột 2.3/1.15): Tháo dỡ, thu hồi các vị trí cột hạ thế số 2.3/1.14 và 2.3/1.15 bao gồm 02 vị trí cột (01 cột bê tông vuông H7,5m và 01 cột bê tông ly tâm LT6,5m) kèm theo phụ kiện cáp vặn xoắn của đoạn tuyến trên; Tháo dỡ thu hồi, tận dụng dây của đoạn tuyến đường dây CVX 0,4kV từ cột 2.3/1.13 đến cột 2.3/1.15 có tổng chiều dài: L = 64,0m, dây CVX (4x50)mm² để chuyển sang lắp đặt lại trên tuyến đèn bù mới.

* Đường dây hạ thế 0,4kV lộ L1 sau TBA Khánh Đại 3:

- Đoạn tuyến đường dây hạ thế 0,4kV - Lộ số 1 sau TBA Khánh Đại 3 (từ cột 1.16 đến cột 1.24): Tháo dỡ, thu hồi các vị trí cột hạ thế số 1.17; 1.18; 1.19; 1.20; 1.21; 1.22; 1.23; 1.24 bao gồm 08 vị trí cột (01 cột bê tông vuông H7,5m và 07 cột bê tông ly tâm LT6,5m) kèm theo phụ kiện cáp vặn xoắn của đoạn tuyến trên; Tháo dỡ thu hồi, tận dụng dây của đoạn tuyến đường dây CVX 0,4kV từ cột 1.16 đến cột 1.24 có tổng chiều dài: L = 272,0m, dây CVX (4x50)mm² để chuyển sang lắp đặt lại trên tuyến đèn bù mới.

* Đường dây hạ thế 0,4kV lộ L1 sau TBA Nhân Phú 1:

- Đoạn tuyến đường dây hạ thế 0,4kV - nhánh rẽ cột 1.12, lộ số 1 sau TBA Nhân Phú 1 (từ cột 1.12 đến cột 1.12/1.2): Tháo dỡ, thu hồi các vị trí cột hạ thế số 1.12/1.1 và 1.12/1.2 bao gồm 02 vị trí cột (02 cột bê tông vuông H7,5m) kèm theo phụ kiện cáp vặn xoắn của đoạn tuyến trên; Tháo dỡ thu hồi, tận dụng dây của đoạn tuyến đường dây CVX 0,4kV từ cột 1.12 đến cột 1.12/1.2 có tổng chiều dài: L = 38,0m, dây CVX (2x35)mm² để chuyển sang lắp đặt lại trên tuyến đèn bù mới.

* Đường dây hạ thế 0,4kV lộ L1 sau TBA Nhân Phú 3:

- Đoạn tuyến đường dây hạ thế 0,4kV - nhánh rẽ cột 1.2, lộ số 1 sau TBA Nhân Phú 3 (từ cột 1.2 đến cột 1.2/1.3/1.1): Tháo dỡ, thu hồi các vị trí cột hạ thế số 1.2; 1.2/1.1 và 1.2/1.3/1.1 bao gồm 03 vị trí cột (03 cột bê tông vuông H7,5m) kèm

theo phụ kiện cáp vặn xoắn của đoạn tuyến trên; Tháo dỡ thu hồi, tận dụng dây của đoạn tuyến đường dây CVX 0,4kV từ cột 1.2 đến cột 1.2/1.3 có tổng chiều dài: $L=87,0\text{m}$, dây CVX (4x70)mm² và từ cột 1.2/1.3 đến cột 1.2/1.3/1.1 có tổng chiều dài: $L=25,0\text{m}$, dây CVX (2x35)mm² để chuyển sang lắp đặt lại trên tuyến đèn bù mới.

* Đường dây hạ thế 0,4kV lộ L1 + L2 sau TBA Mỹ Lộc 7:

- Đoạn tuyến đường dây hạ thế 0,4kV - Lộ số 1 sau TBA Mỹ Lộc 7 (từ cột (1.2).1 đến cột 1.2): Tháo dỡ, thu hồi các vị trí cột hạ thế số (1.2).1 và cột 1.2 bao gồm 02 vị trí cột (02 cột bê tông vuông H7,5m và 02 cột bê tông li tâm LT7,5m) kèm theo phụ kiện cáp vặn xoắn của đoạn tuyến trên; Tháo dỡ thu hồi, tận dụng dây của đoạn tuyến đường dây CVX 0,4kV từ cột (1.2).1 đến 1.2 có tổng chiều dài: $L=34,0\text{m}$, dây CVX (4x95)mm² để chuyển sang lắp đặt lại trên tuyến đèn bù mới.

- Đoạn tuyến đường dây hạ thế 0,4kV - nhánh rẽ cột 1.18, lộ số 1 sau TBA Mỹ Lộc 7 (từ cột 1.18 đến cột 1.18/1.2): Tháo dỡ, thu hồi các vị trí cột hạ thế số 1.18; 1.18/1.1 và 1.18/1.2 bao gồm 03 vị trí cột (04 cột bê tông vuông H7,5m) kèm theo phụ kiện cáp vặn xoắn của đoạn tuyến trên; Tháo dỡ thu hồi, tận dụng dây của đoạn tuyến đường dây CVX 0,4kV từ cột 1.18 đến cột 1.18/1.2 có tổng chiều dài: $L=85,0\text{m}$, dây CVX(2x35)mm² để chuyển sang lắp đặt lại trên tuyến đèn bù mới.

- Đoạn tuyến đường dây hạ thế 0,4kV - Lộ số 2 sau TBA Mỹ Lộc 7 (từ cột (1.2).1 đến cột 2.6): Tháo dỡ, thu hồi các vị trí cột hạ thế số 2.2 và cột 2.5 bao gồm 02 vị trí cột (02 cột bê tông vuông H7,5m) kèm theo phụ kiện cáp vặn xoắn của đoạn tuyến trên; Tháo dỡ thu hồi, tận dụng dây của đoạn tuyến đường dây CVX 0,4kV từ cột (1.2).1 đến 2.6 có tổng chiều dài: $L=227,0\text{m}$, dây CVX (4x70)mm² để chuyển sang lắp đặt lại trên tuyến đèn bù mới.

- Tháo hạ các hộp công tơ 1 pha, 3 pha và tủ tụ bù hạ thế kèm dây đấu từ đường trục xuống hộp công tơ, tủ tụ bù và các dây sau công tơ. Hòm công tơ và dây sau công tơ chuyển đến lắp đặt lại tại các vị trí cột mới tương ứng.

- Tất cả vật tư sau tháo dỡ, thu hồi (cột, cáp vặn xoắn, dây từ đường trục đấu xuống hộp công tơ) được nhập đầy đủ số lượng theo hồ sơ thiết kế về kho chủ đầu tư và tổ chức thanh lý theo quy định.

9.2.2.2. Phần xây dựng đèn bù các tuyến đường dây 0,4kV.

Các đoạn tuyến đường dây hạ thế 0,4kV cấp nguồn từ TBA Sùng Hàn 1; TBA Sùng Hàn 2; TBA Sùng Hàn 4; TBA Khánh Đại 1; TBA Khánh Đại 3 đang cấp điện cho sản xuất, sinh hoạt của nhân dân hai bên tuyến đường đê Ất Hối, huyện Mỹ Lộc (Đoạn từ QL 21 tại Km134+963 đến đóc La xã Mỹ Tiến) đang nằm trong hành lang tuyến đường mở rộng, vì vậy cần tiến hành di dời đường điện trên tuyến đang nằm trong phạm vi tuyến mốc GPMB ra ngoài vị trí xây dựng rãnh, công dọc. Cột của các tuyến đường dây 0,4kV xây dựng đèn bù mới bám men theo và cách đều bó vỉa một khoảng $a = 0,98\text{m}$ (tim cột trùng với tim của thành trong công dọc B400); đối với những đoạn tuyến không có rãnh dọc cột trồng men theo và cách mép đường khoảng 1m cụ thể như sau:

- Đoạn tuyến từ cột 1.5 đến cột số 1.15, lộ số 1 sau TBA Sùng Hàn 1 có tổng chiều dài: $L = 360,0\text{m}$, sử dụng lại dây gồm 3 dây AV(1x95)mm² + 1 dây AV(1x70)mm² tháo dỡ từ tuyến cũ chuyển sang lắp đặt lại trên tuyến đèn bù mới.

- Đoạn tuyến từ cột (1.2).1 đến cột 2.17, lộ số 2 sau TBA Sùng Hàn 1 và kết nối với TBA Sùng Hàn 3 tại cột (1.3.)15 có tổng chiều dài: $L = 775,0\text{m}$, sử dụng lại dây CVX (4x70)mm² tháo dỡ từ tuyến cũ chuyển sang lắp đặt lại trên tuyến đèn bù mới.

- Đoạn tuyến từ cột số 2.22 đến cột số 2.25 Lộ số 2 sau TBA Sùng Hàn 3 có tổng chiều dài: $L = 73,0\text{m}$, sử dụng lại dây gồm 3 dây AV(1x95)mm² + 1 dây AV(1x70)mm² tháo dỡ từ tuyến cũ chuyển sang lắp đặt lại trên tuyến đèn bù mới.

- Đoạn tuyến từ cột 3.14 đến 3.15, lộ số 3 sau TBA Sùng Hàn 2 có tổng chiều dài: $L = 49,0\text{m}$, sử dụng lại dây CVX (4x70)mm² tháo dỡ từ tuyến cũ chuyển sang lắp đặt lại trên tuyến đèn bù mới.

- Đoạn tuyến từ cột 3.3/1.9/1.1 đến cột 3.3/1.9/1.4 nhánh rẽ cột 3.3/1.9, lộ số 3 sau TBA Sùng Hàn 2 có tổng chiều dài: $L = 113,0\text{m}$, sử dụng lại dây CVX (2x25)mm² tháo dỡ từ tuyến cũ chuyển sang lắp đặt lại trên tuyến đèn bù mới.

- Đoạn tuyến từ cột 2.3/1.13 đến cột 2.3/1.15 nhánh rẽ cột 2.3/1.13, lộ số 2 sau TBA Khánh Đại 1 có tổng chiều dài: $L = 64,0\text{m}$, sử dụng lại dây CVX (4x50)mm² tháo dỡ từ tuyến cũ chuyển sang lắp đặt lại trên tuyến đèn bù mới.

- Đoạn tuyến từ cột 1.16 đến cột 1.24, lộ số 1 sau TBA Khánh Đại 3 có tổng chiều dài: $L = 272,0\text{m}$, sử dụng lại dây CVX (4x50)mm² tháo dỡ từ tuyến cũ chuyển sang lắp đặt lại trên tuyến đèn bù mới.

- Đoạn tuyến từ cột 1.12 đến cột 1.12/1.2 nhánh rẽ cột 1.12, lộ số 1 sau TBA Nhân Phú 1 có tổng chiều dài: $L = 38,0\text{m}$, sử dụng lại dây CVX (2x35)mm² tháo dỡ từ tuyến cũ chuyển sang lắp đặt lại trên tuyến đèn bù mới.

- Đoạn tuyến từ cột 1.2 đến cột 1.2/1.3 nhánh rẽ cột 1.2, lộ số 1 sau TBA Nhân Phú 3 có tổng chiều dài: $L = 87,0\text{m}$, sử dụng lại dây CVX (4x70)mm² tháo dỡ từ tuyến cũ chuyển sang lắp đặt lại trên tuyến đèn bù mới.

- Đoạn tuyến từ cột 1.2/1.3 đến cột 1.2/1.3/1.1 nhánh rẽ cột 1.2/1.3, lộ số 1 sau TBA Nhân Phú 3 có tổng chiều dài: $L = 25,0\text{m}$, sử dụng lại dây CVX (2x35)mm² tháo dỡ từ tuyến cũ chuyển sang lắp đặt lại trên tuyến đèn bù mới.

- Đoạn tuyến từ cột (1.2).1 đến 1.2, lộ số 1 sau TBA Mỹ Lộc 7 có tổng chiều dài: $L = 34,0\text{m}$, sử dụng lại dây CVX (4x95)mm² tháo dỡ từ tuyến cũ chuyển sang lắp đặt lại trên tuyến đèn bù mới.

- Đoạn tuyến từ cột 1.18 đến cột 1.18/1.2 nhánh rẽ cột 1.18, lộ số 1 sau TBA Mỹ Lộc 7 có tổng chiều dài: $L = 85,0\text{m}$, sử dụng lại dây CVX.(2x35)mm² tháo dỡ từ tuyến cũ chuyển sang lắp đặt lại trên tuyến đèn bù mới.

- Đoạn tuyến từ cột (1.2).1 đến 2.6, lộ số 2 sau TBA Mỹ Lộc 7 có tổng chiều dài: $L = 227,0\text{m}$, sử dụng lại dây CVX (4x70)mm² tháo dỡ từ tuyến cũ chuyển sang lắp đặt lại trên tuyến đèn bù mới.

*Kết cấu tuyến:

- Cột điện:

+ Các vị trí cột số 2.13; 2.17 (lộ số 2 sau TBA Sùng Hàn 1) và cột (1.3).15 (lộ số 1+3 sau TBA Sùng Hàn 3) mỗi vị trí dùng 01 cột bê tông ly tâm LT10-5,0 cột cao 10m, lực đầu cột $F = 5,0\text{kN}$; $D_n = 190$). Toàn bộ cột điện được sản xuất theo TCVN 5847:2016.

+ Các vị trí cột số 1.5; 1.1; 1.12; 1.15 (lộ số 1 sau TBA Sùng Hàn 1); cột số 2.1A (bổ sung mới) và cột 2.7; 2.11; 2.12; 2.16 (lộ số 2 sau TBA Sùng Hàn 1); cột số 2.23 và 2.25 (lộ số 2 sau TBA Sùng Hàn 3); cột số 3.15 (lộ số 3 sau TBA Sùng Hàn 2); cột số 2.3/1.14 (lộ số 2 sau TBA Khánh Đại 1); cột số 1.17 và 1.24 (lộ số 1 sau TBA Khánh Đại 3); cột số 1.2 (lộ số 1 sau TBA Nhân Phú 1); cột số 1.2 và 1.18 (lộ số 1 sau TBA Mỹ Lộc 7); cột số 2.5 (lộ số 2 sau TBA Mỹ Lộc 7). Mỗi vị trí dùng 01 cột bê tông ly tâm LT8,5-5,0; Tại vị trí cột (1.2).1 (lộ số 1+2 sau TBA Mỹ Lộc 7) dùng 02 cột bê tông ly tâm LT8,5-5,0 cột cao 8,5m, lực đầu cột $F=5,0\text{kN}$; $D_n=190$). Toàn bộ cột điện được sản xuất theo TCVN 5847:2016.

+ Các vị trí còn lại mỗi vị trí dùng 01 cột bê tông ly tâm LT8,5-4,3 cột cao 8,5m, lực đầu cột $F=4,3\text{kN}$; $D_n=190$). Toàn bộ cột điện được sản xuất theo TCVN 5847:2016.

- Móng cột: Sử dụng loại móng cột tròn: MT8,5-2 cho các cột LT8,5m; MTK8,5-2 cho các vị trí cột đôi LT8,5m; MT10-2 cho các cột LT10m. Móng đúc sẵn tại chỗ gồm bê tông đúc móng, bê tông chèn khe hở chân cột mác 150 đá 2x4.

- Phụ kiện: Lắp đặt các phụ kiện chuyên dùng cho tuyến dây CVX. Các bộ kẹp xiết, kẹp đỡ CVX cùng với các tấm bản mã và các bộ đai thép và khóa đai bằng thép không rỉ. Vị trí cột 2.17 lộ 2 TBA Sùng Hàn 1 và cột (1.3).15 lộ 1+3 TBA Sùng Hàn 2 bổ sung 02 bộ xà XLVX để lánh hành lang tuyến đường dây 0,4kV.

- Xà đường dây: Đoạn tuyến dây 0,4kV lộ số 1 sau TBA Sùng Hàn 1 (từ cột 1.5 đến cột 1.15) và đoạn tuyến 0,4kV lộ số 2 sau TBA Sùng Hàn 3 (từ cột 2.23 đến 2.25) sử dụng các bộ xà hạ thế loại 3 pha 4 dây lắp lệch trên ngọn cột tròn: XKL-4 và XDL-4. Toàn bộ các bộ xà được chế tạo bằng thép hình theo TCVN, sau khi gia công xong, toàn bộ các chi tiết xà được mạ kẽm nhúng nóng.

- Sứ đường dây: sử dụng sứ gốm A30 (kèm theo ty mạ M16).

- Tiếp địa: Tại các vị trí 1.15 (lộ số 1 sau TBA Sùng Hàn 1); vị trí cột số 2.6; 2.13; 2.17 (lộ số 2 sau TBA Sùng Hàn 1); vị trí cột số 2.25 (lộ số 2 sau TBA Sùng Hàn 3); vị trí cột số 1.18 và 1.24 (lộ số 1 sau TBA Khánh Đại 3); vị trí cột số 2.6 (lộ số 2 sau TBA Mỹ Lộc 7) được bố trí bộ tiếp địa lắp lại: R11.

- Các hộp công tơ 1 pha và 3 pha, tủ tụ bù hạ thế sau tháo dỡ từ tuyến cũ được chuyển đến lắp đặt lại tại các vị trí cột mới tương ứng.

(Chi tiết trong hồ sơ thiết kế)

10. Giá trị dự toán xây dựng : **77.741.605.000 đồng**

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 67.680.511.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án: 1.324.692.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 4.748.580.000 đồng
- Chi phí khác: 779.938.000 đồng
- Chi phí dự phòng: 3.207.884.000 đồng

11. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng;

11.1. Khảo sát:

- TCVN 9398:2012 - Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung.

- TCVN 9401:2012 – Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình.

- TCXD 194-1997 - Tiêu chuẩn xây dựng trong công tác khảo sát kỹ thuật.

- 96 TCN 31-91 - Quy phạm ký hiệu quy ước thành lập bản đồ địa hình từ 1/500 - 1/25000.

- 96 TCN 43-90 - Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 - 1/5000.

- 22 TCN 259-2000 - Quy trình khoan thăm dò địa chất công trình.

- 22 TCN 262-2000 - Quy trình khảo sát thiết kế nền đường ô tô đắp trên đất yếu.

- 22 TCN 263-2000 - Quy trình khảo sát đường ô tô.

- QCVN 02:2009/BXD - Số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng.

11.2. Thiết kế:

- TCVN 4054:2005 - Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 11823:2017 – Tiêu chuẩn thiết kế cầu.

- TCVN 9113:2012 – Ống BTCT thoát nước.

- TCVN 9116:2012 – Công hợp BTCT.

- 22 TCN 211-06 - Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế.

- 22 TCQG 9844-2013 – Yêu cầu về thiết kế, thi công và nghiệm thu vỉa địa kỹ thuật trong xây dựng nền đắp trên đất yếu.

- 22 TCN 262-2000 - Quy trình khảo sát thiết kế nền đường ô tô đắp trên đất yếu.

- QCVN 41:2019/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.

- Văn bản số 3095/QĐ-BGTVT ngày 7/10/2013 của BGTVT- quy định tạm thời về các giải pháp kỹ thuật công nghệ đối với đoạn chuyển tiếp giữa đường và cầu (cống) trên đường ô tô.

11.3. Thi công:

- TCVN 4447:2012 - Công tác đất - Thi công và nghiệm thu.

- TCVN 4453:1995 - Kết cấu bê tông và BTCT toàn khối - Quy phạm thi công và nghiệm thu.

- TCVN 4506-2012 - Nước cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật.

- TCVN 7887:2008 - Màn phản quang dùng cho báo hiệu đường bộ.

- TCVN 8791:2011 - Sơn tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo – Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu.

- TCVN 8819:2011 - Mặt đường bê tông nhựa nóng - Yêu cầu thi công và nghiệm thu.

- TCVN 8828-2011 - Bê tông - Yêu cầu bảo dưỡng âm tự nhiên.

- TCVN 8859:2011 - Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu.

- TCVN 9115:2012 - Kết cấu bê tông và BTCT lắp ghép - Thi công và nghiệm thu.

- TCVN 9113:2012 - ống BTCT thoát nước.

- TCVN 9116:2012 - Công hợp BTCT.

- TCVN 9393:2012 - Cọc - Phương pháp thử nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục.

- TCVN 9394:2012 - Đóng và ép cọc - Thi công và nghiệm thu.

- TCVN 9436:2012 - Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai các bước tiếp theo đảm bảo theo các quy định hiện hành

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện, Thủ trưởng các cơ quan: Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện, Chủ tịch UBND các xã Mỹ Tiến, Mỹ Thịnh, Mỹ Thuận và các đơn vị có liên quan thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh
- Sở Giao thông vận tải tỉnh
- Thường trực HU, HĐND huyện
- Đ/c Chủ tịch UBND huyện
- Như Điều 3;
- Lưu VT./

(Đề b/c);

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Quang Huy